

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **599/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/5/2021

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hòa B**, sinh năm: 1975 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 406B/2A ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đặng Công P**, sinh năm: 1975 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 406B/2A ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được –

nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hòa B trình bày: Bà và ông Đặng Công P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2000 cấp ngày 18/4/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông P không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Công P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên là Đặng Nguyễn Công L (nam) sinh ngày 14/10/2001 đã trưởng thành và Đặng Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/11/2007. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Ngọc A, còn trẻ Công L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai - bị đơn ông Đặng Công P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Hòa B chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/4/2000. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà B mặc dù vẫn còn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B do ông còn thương các con chung.

Về con chung: Ông và bà B có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Công L (nam) sinh ngày 14/10/2001 đã trưởng thành và Đặng Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/11/2007. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Ngọc A và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát

biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hòa B đối với ông Đặng Công P; Về con chung: giao trẻ Đặng Ngọc A (nữ) sinh ngày 01/11/2007 cho bà Nguyễn Thị Hòa B được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tài sản chung: tự thỏa thuận; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hòa B nộp đơn xin ly hôn đối với ông Đặng Công P. Ông Đặng Công P hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Đặng Công P đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hòa B với ông Đặng Công P, nhưng ông P chỉ đến Tòa án một lần và sau đó có đơn đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Công P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Hòa B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01/2000 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/4/2000 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hòa B với ông Đặng Công P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông P không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà B và có sự thừa nhận của ông P thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng quan điểm

sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, bà B và ông P mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hơn nữa ông P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B là do thương các con chung chứ không phải do còn tình cảm với bà B. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung của vợ chồng bà B, ông P là có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, bà B và ông P dù ở chung nhà nhưng đã sống ly thân và tình cảm đối với nhau không còn, điều này cho thấy ông bà chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng hoàn toàn không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình và cũng không thể nào nói chuyện thẳng thắn với nhau để tìm ra giải pháp hiệu quả cho việc duy trì quan hệ hôn nhân tốt đẹp, vì sự khác biệt về suy nghĩ và quan điểm sống. Mặt khác, ông P không đồng ý ly hôn với bà B với lý do còn thương con chung chứ không phải do còn tình cảm với bà B và ông P cũng không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa bà B và ông P đều không có thiện chí để đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà B và ông P hoàn toàn không có, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông P, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông P.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hòa B và ông Đặng Công P có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Công L (nam), sinh ngày: 14/10/2001 đã trưởng thành và Đặng Ngọc A (nữ), sinh ngày: 01/11/2007. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngọc A, còn Công Lộc đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Ngọc A ngày 23/02/2021 nếu cha mẹ không còn sống chung thì trẻ Ngọc A muốn sống với mẹ. Tại bản tự khai ngày 16/4/2021, ông P trình bày trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngọc A, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà B và ông P đều mong muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Đặng Ngọc A, tuy nhiên, trẻ Ngọc A có nguyện vọng được sống với mẹ và hiện nay trẻ Ngọc A cũng đang sống với mẹ, do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của trẻ, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giao trẻ Đặng Ngọc A (nữ), sinh ngày 01/11/2007 cho bà B tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý kiến hoàn toàn tự nguyện của bà B nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà B và ông P đều yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà B và ông P đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hòa B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hòa B đối với ông Đặng Công P.

Bà Nguyễn Thị Hòa B được ly hôn với ông Đặng Công P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/4/2000 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hòa B và ông Đặng Công P có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Công L (nam), sinh ngày: 14/10/2001 đã trưởng thành và Đặng Ngọc A (nữ), sinh ngày: 01/11/2007. Bà Nguyễn Thị Hòa B được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Đặng Ngọc A; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đặng Công P.

Ông Đặng Công P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi

con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà B và ông P đều yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Bà B và ông P đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hòa B chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu số 0080833 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà B và ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định